TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**
Số: 102/2024/QĐST-DS	*B, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 378/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Trần D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn B, sinh năm 1990.

Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Kim D1 thừa nhận và đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay tổng cộng 278.300.000đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 48.300.000đ (Bốn mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng). Thời gian và phương thức trả tiền được các bên thực hiện trong giai đoạn thi hành án.

Bà Nguyễn Thị T đồng ý giao trả cho ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Kim D1

một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 145, tờ bản đồ 14, tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, diện tích 3002,8m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho ông Phan Văn B vào ngày 12/11/2018, số vào sổ cấp GCN: CS08470 khi bà D1, ông B trả xong nợ cho bà T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50% là: 7.108.000đ (Bảy triệu, một trăm lẻ tám nghìn đồng). Ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Kim D1 tự nguyện chịu và có nghĩa vụ liên đới nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0007151 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Sau khi khấu trừ, ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Kim D1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí 6.808.000đ (Sáu triệu, tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết S tiềm tạm ứng án phí đã nộp là 6.958.000đ (Sáu triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004660 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn Long